ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẾN THÀNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 606 /QĐ-UBND	*Bến Thành, ngày 07 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2026 (03 tháng năm 2026)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẾN THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 ban hành ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành về dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Bến Thành năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Bến Thành về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Phiếu trình số 711/PTr-KTHTĐT ngày 06 tháng 4 năm 2026 về công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2026 (03 tháng năm 2026),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2026 (03 tháng năm 2026) (đính kèm các biểu công khai và thuyết minh).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đảng ủy phường;
- Hội đồng nhân dân phường;
- Ủy ban MTTQVN phường;
- UBND phường: CT, các PCT;
- Lưu: VT, (KTHTĐT, TT 5b).

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG BẾN THÀNH TP HỒ CHÍ MINH

Mai Thị Hồng Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Mẫu biểu số 54

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ 01 NĂM 2026

(Đính kèm Quyết định số 606 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 04 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 3 tháng so (%)	
			Quý 1/2026	Lũy kế đến Quý 1/2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**3.500,000**	**864,875**	**864,875**	**24,71%**	
I	Thu nội địa	3.500,000	864,875	864,875	0	
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu viện trợ					
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**484,143**	**111,571**	**111,571**	**23,05%**	-
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**38,100**	**8,262**	**8,262**	**21,69%**	-
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	8,700	3,325	3,325	38,22%	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %	29,400	4,937	4,937	16,79%	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**446,043**	**103,309**	**103,309**	**23,16%**	-
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	334,744	100,000	100,000	29,87%	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	111,299	3,309	3,309	2,97%	
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**					
IV	**Thu kết dư**					
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**					
C	**TỔNG CHI NSĐP**	**484,143**	**59,237**	**59,237**	**12,24%**	-
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**471,126**	**55,973**	**55,973**	**11,88%**	-
1	Chi đầu tư phát triển	0,350		-	0,00%	
2	Chi thường xuyên	457,028	55,973	55,973	12,25%	
3	Chi cho vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi trả nợ lãi					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN	13,748			0,00%	
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP**	**13,017**	**3,264**	**3,264**	**25,07%**	
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**			-		

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Mẫu biểu số 55

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ 1 NĂM 2026

(Đính kèm Quyết định số 1106 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 04 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 01 Quý so (%)	
			Quý 01/2026	Lũy kế đến Quý 1/2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4	5
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**3.500,000**	**864,875**	**864,875**	**24,71%**	-
I	**Thu nội địa**	**3.500,000**	**864,875**	**864,875**	**24,71%**	-
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	100,000	23,048	23,048	23,05%	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	250,000	40,011	40,011	16,00%	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.143,000	543,632	543,632	25,37%	
4	Thuế thu nhập cá nhân	856,000	231,889	231,889	27,09%	
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí	128,000	18,550	18,550	14,49%	
	Trđó: Lệ phí trước bạ	105,000	17,062	17,062	16,25%	
7	Các khoản thu về nhà, đất	11,000	3,320	3,320	30,18%	-
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*					
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	8,000	2,195	2,195	27,44%	
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*					
-	*Thu tiền sử dụng đất*	3,000	1,125	1,125	37,50%	
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*					
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển					
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
10	Thu từ hoạt động xổ số					
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển					
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	-	-	-		-
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*					
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuậu sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*					
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác					
14	Thu khác ngân sách	12,000	4,425	4,425	36,88%	
II	**Thu từ dầu thô**					
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	-	-	-		-
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu					
3	Thuế nhập khẩu					
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu					
7	Thuế khác					
IV	**Thu viện trợ**					
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**	-	-	-	-	-
1	Thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**38,100**	**8,262**	**8,262**	**21,69%**	-
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP	29,400	4,937	4,937	16,79%	
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	8,700	3,325	3,325	38,22%	

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

Mẫu biểu số 56.1

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ 1 NĂM 2026

(Đính kèm Quyết định số 666 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 04 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước 01 Quý so (%)	
			Quý 1/2026	Lũy kế đến hết quý 1/2026	Dự toán	Cùng kỳ năm 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	**484,143**	**59,237**	**59,237**	**12,24%**	-
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**471,126**	**55,973**	**55,973**	**11,88%**	-
I	**Chi đầu tư phát triển**	**0,350**	-	-	**0,00%**	-
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	0,350		-	0,00%	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**	**457,028**	**55,973**	**55,973**	**12,25%**	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	261,111	28,562	28,562	10,94%	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		0,491	0,491		
IV	**Chi cho vay**					
V	**Chi viện trợ**					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**13,748**				
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**					
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**	**13,017**	**3,264**	**3,264**		-
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	13,017	3,264	3,264		
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG BẾN THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ƯỚC QUÝ 1 NĂM 2026

(Đính kèm Quyết định số 606 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bến Thành)

1. Tổng thu ngân sách nhà nước: Ước thực hiện Quý 1 năm 2026: 864,875 tỷ đồng, đạt 24,71% so với dự toán Thành phố giao (864,875 tỷ đồng/3.500 tỷ đồng).

- Thu khu vực kinh tế nhà nước và đầu tư nước ngoài: 63,059 tỷ đồng, đạt 18,02% so với dự toán giao (63,059 tỷ đồng/350,000 tỷ đồng). Trong đó:

+ Thu từ khu vực kinh tế nhà nước: 23,048 tỷ đồng, đạt 23,05% so với dự toán (23,048 tỷ đồng/100,000 tỷ đồng).

+ Thu từ khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài: 40,011 tỷ đồng, đạt 16% so với dự toán (40,011 tỷ đồng/250,000 tỷ đồng).

- Thu khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 543,632 tỷ đồng, đạt 25,37% so với dự toán giao (543,632 tỷ đồng/2.143,000 tỷ đồng).

- Thuế thu nhập cá nhân: 231,889 tỷ đồng, đạt 27,09% so với dự toán giao (231,889 tỷ đồng/856,000 tỷ đồng).

- Tiền sử dụng đất: 1,125 tỷ đồng, đạt 37,5% so với dự toán (1,125 tỷ đồng/3,000 tỷ đồng).

- Lệ phí trước bạ: 17,062 tỷ đồng, đạt 16,25% so với dự toán (17,062 tỷ đồng/105,000 tỷ đồng).

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 2,195 tỷ đồng, đạt 27,44% so với dự toán giao (2,195 tỷ đồng/8,000 tỷ đồng).

- Thu phí, lệ phí: 1,488 tỷ đồng, đạt 6,47% so với dự toán (1,488 tỷ đồng/23,000 tỷ đồng).

- Thu khác ngân sách: 4,425 tỷ đồng, đạt 36,88% so với dự toán (4,425 tỷ đồng/ 12,000 tỷ đồng).

2. Tổng thu ngân sách phường: Ước thực hiện quý 1 năm 2026 là 111,571 tỷ đồng, đạt 23,05% so với dự toán giao (111,571 tỷ đồng/484,143 đồng).

2.1. Tổng thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp: 8,262 tỷ đồng, đạt 21,69% so với dự toán (8,262 tỷ đồng/38,100 tỷ đồng). Trong đó:

- Lệ phí trước bạ: 4,937 tỷ đồng, đạt 16,79% so với dự toán (4,937 tỷ đồng/29,400 tỷ đồng).

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:

2,195 tỷ đồng, đạt 27,44% so với dự toán (2,195 tỷ đồng/8,000 tỷ đồng).

- Thu phí, lệ phí: 0,42 tỷ đồng, đạt 91,30% so với dự toán (0,42 tỷ đồng/0,460 tỷ đồng).

- Thu khác: 0,71 tỷ đồng, đạt 295,83% so với dự toán (0,71 tỷ đồng/0,240 tỷ đồng).

2.2. Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang: 0 tỷ đồng.

2.3. Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 103,309 tỷ đồng, đạt 23,16% so với dự toán giao. Trong đó:

- Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 100 tỷ đồng, đạt 29,87% dự toán giao (100 tỷ đồng/334,744 tỷ đồng).

- Số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 3,309 tỷ đồng, đạt 2,97% dự toán giao (3,309 tỷ đồng/111,299 tỷ đồng).

3. Tổng chi ngân sách phường: Ước thực hiện Quý 1 năm 2026 59,273 tỷ đồng, đạt 12,24% so với dự toán (59,273 tỷ đồng/484,143 tỷ đồng). Cụ thể:

3.1. Chi đầu tư phát triển: 0 tỷ đồng.

3.2. Chi thường xuyên: 59,237 tỷ đồng, đạt 12,60% so với dự toán (59,237 tỷ đồng/470,045 tỷ đồng). Trong đó:

3.2.1. Chi quốc phòng: 1,405 tỷ đồng, đạt 9,1% so với dự toán (1,405 tỷ đồng/15,432 tỷ đồng).

3.2.2. Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội: 1,5 tỷ đồng, đạt 8,25% so với dự toán (1,5 tỷ đồng/18,190 tỷ đồng).

3.2.3. Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 28,562 tỷ đồng, đạt 10,94% so với dự toán (28,562 tỷ đồng/ 261,111 tỷ đồng). Trong 03 tháng đầu năm, các đơn vị trường học thực hiện chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp, các hoạt động, mua sắm, sửa chữa và chi các chế độ, chính sách theo thực tế phát sinh và chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND theo kết quả đánh giá thực tế. Ngoài ra, các đơn vị trường học là đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên nên thực hiện chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 27/2025/NQ-HĐND và chi chênh lệch tăng lương cơ sở cân đối từ nguồn cải cách tiền lương (nguồn thu) của đơn vị.

3.2.4. Chi khoa học và Công nghệ: 0 tỷ đồng.

3.2.5. Chi y tế, dân số và gia đình: 1,1 tỷ đồng, đạt 3,58% so với dự toán (1,1 tỷ đồng/30,734 tỷ đồng). Trong 03 tháng đầu năm, phường thực hiện chi hỗ trợ cho cộng tác viên sức khỏe cộng đồng, thanh toán mua thẻ BHYT cho các đối tượng (bảo trợ xã hội, hưu trí xã hội; đối tượng người từ đủ 65 tuổi; đối tượng người từ đủ 75 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng; người có công cách mạng; cho trẻ em dưới 6 tuổi; bảo trợ xã hội; học sinh không thuộc diện nghèo, lực lượng an ninh cơ sở); kinh phí chương trình mục tiêu y tế, dân số; … theo thực tế phát sinh.

3.2.6. Chi Văn hóa thông tin: 0,2 tỷ đồng, đạt 23,53% so với dự toán (0,2 tỷ đồng/0,85 tỷ đồng). Trong 03 tháng đầu năm, phường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, trang trí trước, trong và sau Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026 trên địa bàn phường Bến Thành và các hoạt động văn hóa khác.

3.2.7. Chi thể dục, thể thao: 0 tỷ đồng.

3.2.8. Chi bảo vệ môi trường: 0 tỷ đồng.

3.2.9. Chi các hoạt động kinh tế: 0 tỷ đồng.

3.2.10. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 9,62 tỷ đồng, đạt 11,23% so với dự toán (9,62 tỷ đồng/85,69 tỷ đồng). Trong 03 tháng đầu năm, phường thực hiện chi lương, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp, các hoạt động, mua sắm, sửa chữa và chi các chế độ, chính sách theo thực tế phát sinh.

3.2.11. Chi bảo đảm xã hội: 16,85 tỷ đồng, đạt 32,4% so với dự toán (16,85 tỷ đồng/52,006 tỷ đồng). Trong đó, chi các chế độ, chính sách từ nguồn Trung ương là 3,264 tỷ đồng, đạt 25,07% so với dự toán (3,264 tỷ đồng/ 13,017 tỷ đồng). Trong 03 tháng đầu năm 2026, phường thực hiện chi các chế độ, chính sách từ nguồn Trung ương; các chế độ, chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác từ nguồn ngân sách Thành phố theo thực tế.

3.2.12. Chi khác: 0 đồng.